TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 319/2026/DS-PT
Ngày: 17 - 6 - 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm

Các Thẩm phán: Ông Phạm Cao Gia

Bà Nguyễn Thị Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 111/2026/TLPT – DS ngày 05 tháng 5 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 12/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1; cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thị Thương T2 – sinh năm 1995; địa chỉ: Công ty L3.DV01, Khu Nhà ở xã hội, đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 24/7/2020, bà Tạ Thị Thu T1 và ông Trần Minh T đã vay của tôi số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay các bên chỉ thỏa thuận lãi mức lãi suất bên ngoài chứ không ghi lãi vào giấy. Quá trình vay, ông T và bà T1 có trả lãi cho tôi đến ngày 24/4/2021. Đến nay đã lâu ông T và bà T1 chưa chịu trả số tiền vay cho tôi dù tôi đã nhiều lần yêu cầu. Vậy nay tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị Thu T1 và ông Trần Minh T phải trả số tiền đã vay của tôi là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Trước đây vợ chồng ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 có vay của bà Nguyễn Thị Lê S tiền là:

- Lần thứ nhất: Ngày 24/7/2020, vay số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền này được trả lãi suất theo tháng và vợ chồng ông T, bà T1 trả hết tiền nợ gốc vào ngày 27/04/2021. Sau khi bà T1 trả xong có yêu cầu lấy lại giấy vay số tiền này thì bà L đã báo cho bà T1 là đã xé hủy giấy vay tiền này rồi.

- Lần thứ hai: Ngày 20/8/2020, vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Lần thứ ba: Ngày 06/3/2021, vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

- Lần thứ tư: Ngày 21/3/2021, vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Tổng các lần vay (thứ 2, thứ 3 và thứ 4), ông T và bà T1 còn nợ bà Lê S nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và nợ tiền lãi là: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền nợ (gốc và lãi) vợ chồng ông T và bà T1 là: 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Sau đó, vợ chồng ông T bà T1 đã trả bằng tiền mặt cho bà L 670.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và chuyển khoản 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tổng số tiền ông T, bà T1 trả cho bà Lê L1: 770.000.000 (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Khi trả nợ, vợ chồng bà T1 ông T có yêu cầu bà Lê T3 lại toàn bộ giấy ghi nợ cho bà T1, ông T nhưng bà L trả lời là không về nhà được. Đồng thời, bà L có hứa khi nào về nhà sẽ lấy giấy nợ gốc và trả cho bà T1, ông T nhưng bà Lê K thực hiện.

Vào năm 2023, bà Nguyễn Thị L có khởi kiện ông T và bà T1 đến Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk, đã được Tòa án thụ lý số 306/2023/TLST-DS, ngày 04/10/2023. Vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định số 121/2023/QĐST-DS, ngày 30/10/2023. Số tiền ông T, bà T1 còn nợ bà L là 1.480.000.000 đồng, số tiền lãi là: 120.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ là: 1.600.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Đến ngày 9/11/2023, vợ chồng bà T1 đến nhà trả cho bà L 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), số tiền còn nợ lại là: 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Ngày 03/05/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Hleo bà Tạ Thị Thu T1 đã trả tiếp cho bà L số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Sau 2 lần trả nợ, ông T, bà T1 đã trả cho bà L tổng số tiền là 1.100.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng). Như vậy, ông T, bà T1 chỉ còn nợ lại bà L 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ea H'leo (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Đắk Lắk) vợ chồng bà T1 đã xin bà L cho bà T1 số tiền này, vì gia đình bà T1 gặp nhiều khó khăn không còn chi trả được và trong thời gian qua đã đóng tiền lãi suất cho bà L quá nhiều.

Theo ý kiến của bà L tại B về việc giải quyết việc Thi hành án ngày 03/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Hleo bà L đã xác nhận: "*Tôi xác nhận việc bà Tạ Thị Thu T1 trả nợ cho tôi số tiền 500.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản của con trai bà T1 là Trần Anh Đ để thi hành Quyết định số 121/2023/QĐST-DS ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk. Nay bà Tạ Thị Thu T1 đã thi hành thêm 600.000.000 đồng cho tôi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo và tôi đồng ý cho bà Tạ Thị Thu T1 số tiền còn nợ lại là 500.000.000 đồng và khoản lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS...*".

Như vậy, kể từ ngày 03/05/2024, bà Tạ Thị Thu T1 không còn nợ bà Nguyễn Thị Lê bất K1 số tiền nào.

Tại buổi làm việc với bà L ở Chi cục Thi hành án ngày 03/05/2024, ông T chồng bà T1 và bà T1 đã yêu cầu bà Lê T3 hết giấy tờ ghi nợ từ trước tới nay cho vợ chồng ông T bà T1, nhưng bà Lê N rằng hiện bà Lê K dám về nhà vì sợ chồng đánh nên không lấy giấy viết nợ. Sau đó, bà L gọi điện thoại cho bà T1 nói đã xé hết giấy vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L và vợ chồng ông T bà T1 rồi. Bà T1 ông T đã tin tưởng bà L sẽ không bao giờ dùng các giấy tờ vay nợ đó để đòi tiền nữa.

Nhận thấy, việc bà Nguyễn Thị Lê L2 giấy tờ viết nợ (cũng đã tất toán xong) mà không chịu trả lại giấy viết nợ cho vợ chồng ông T bà T1 nhằm lợi dụng sự tin tưởng và sơ hở của vợ chồng ông T để khởi kiện chiếm đoạt tiếp số tiền vợ chồng ông T bà T1 đã trả. Đây là một sự việc thể hiện cho thấy bà L đã gian dối lợi dụng

sự mất cảnh giác và lòng tin để chiếm đoạt tiếp số tiền 550.000.000 đồng của ông T bà T1.

Do không còn nợ lại bà Nguyễn Thị Lê K2 tiền nào nên ông T và bà T1 không đồng ý trả số tiền 550.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 24/7/2020 mà bà Nguyễn Thị L đã khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 12/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê .

Buộc ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Lê S tiền là: 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/12/2026, bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 12/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần cho bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 vay tiền từ năm 2020, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 24/7/2020, vay số tiền 550.000.000 đồng.
- Lần thứ hai: Ngày 20/8/2020, vay số tiền 300.000.000 đồng.
- Lần thứ ba: Ngày 06/3/2021, vay số tiền 900.000.000 đồng.
- Lần thứ tư: Ngày 21/3/2021, vay số tiền 800.000.000 đồng.

Năm 2023, bà L đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk nhưng chỉ kiện đòi số tiền cho vay lần thứ hai, thứ ba, thứ tư (không khởi kiện số tiền vay 550.000.000 đồng lần thứ nhất) và được Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 121/2023/QĐST-DS ngày 30/10/2023, theo đó hai bên thống nhất bà T1 còn nợ bà L tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng bao gồm cả tiền nợ gốc và tiền lãi.

Như vậy, năm 2023 khi khởi kiện bà T1 thì bà L không kiện đòi lại số tiền đã cho vay là 550.000.000 đồng vào năm 2020. Việc bà L cho rằng không kiện đòi số tiền trên là do đây là khoản vay chung của hai vợ chồng ông T, bà T1 còn số tiền bà kiện đòi năm 2023 là số tiền vay riêng của bà T1. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định khoản các khoản tiền vay từ 2020 đến nay là khoản vay chung của cả hai vợ chồng ông T, bà T1 chứ không phải của riêng cá nhân bà T1. Vì vậy, việc bị đơn xác định đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi đối với số tiền vay 550.000.000 đồng vào ngày 24/7/2020 cho nguyên đơn nên bà L không khởi kiện đòi số tiền trên là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

Mặt khác, theo Biên bản về việc giải quyết thi hành án ngày 03/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, hai bên thống nhất bà T1 đã trả cho bà L tổng số tiền 1.100.000.000 đồng, bà L đồng ý xóa nợ cho bà T1. Cũng tại biên bản trên, bà T1 xác nhận: *"Như vậy, tôi và bà Nguyễn Thị L đã thực hiện xong các khoản nghĩa vụ về thi hành án, tôi không còn nợ bà Lê bất C một khoản tiền nào"*. Bà L đã đọc biên bản, ký xác nhận biên bản nêu trên, đồng ý hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tài sản của hộ gia đình bà T1 theo quy định và không có ý kiến gì về nội

dung này. Như vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm lập biên bản nêu trên, hai bên đã xác nhận không còn bất kỳ khoản nợ nào.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 12/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 12/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 265, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Tuyên xử:

[3.1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê V việc buộc bị đơn ông Trần Minh T, bà Tạ Thị Thu T1 phải trả cho nguyên đơn 550.000.000 đồng trong hợp đồng vay ngày 24 tháng 7 năm 2020.

[3.2]. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lê P chịu 26.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002423 ngày 25/10/2024 mà bà L đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện E' Leo (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Đắk Lắk), bà Lê C1 phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 13.000.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000288 ngày 09/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Nơi nhận:
- Tòa PT TANDTC tại ĐN;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 9 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Lâm